

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC BEE BEE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC BEE BEE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEE BEE EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEE BEE EDUCATION .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108147350

3. Ngày thành lập: 25/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 5, ngõ 17 thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432959153

Fax:

Email: beebee.edu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
5.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
6.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo, hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể)	8559
7.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
8.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
9.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
10.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
11.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
12.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
13.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất Quản lý bất động sản, quản lý vận hành tòa nhà	6820
16.	Quảng cáo	7310
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
18.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
19.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
20.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
21.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
26.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Bán buôn gạo	4631
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bán buôn đồ uống	4633
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659

34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649(Chính)
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
38.	Bán buôn tổng hợp	4690
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
43.	Xây dựng công trình công ích	4220
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

47.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
56.	Phá dỡ	4311
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
59.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
61.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
63.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
64.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774

65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
66.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
67.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CAO QUỐC DUY	Số 3 ngõ 1 thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	012959065	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	Số 5 ngõ 17 thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0010870068 15	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
3	LÊ THU LAN	Số 5 ngõ 17 thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	012858844	
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 25/01/2018 đến ngày 24/02/2018

* Họ và tên: LÊ THU LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012858844

Ngày cấp: 22/03/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5 ngõ 17 thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5 ngõ 17 thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội